

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3347/2023/LĐ-ST.  
Ngày: 29/8/2023.  
V/v tranh chấp đơn phương chấm  
dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Quốc Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

2. Ông Cao Quốc Hưng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Xuân Thu – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2022/TLST-LĐ, ngày 11/10/2022 về “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5004/2023/QĐXXST-LĐ ngày 09/8/2023.

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Ng, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 222 L 16 Lê Hồng P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Văn Th.

Văn bản ủy quyền ngày 22/11/2022, (Ông Th có mặt).

**2. Bị đơn:** Công ty Cổ phần C.

Địa chỉ: Tầng 7, Trung tâm thương mại GiGa Mall 240, 242 Phạm Văn Đồng, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Huyền Tr, sinh năm 1997.

Văn bản ủy quyền ngày 06/02/2023, (Bà Tr có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện ngày 12/8/2022, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ Ng có ông Dương Văn Th đại diện trình bày:*

Nguyên đơn – bà Ng bắt đầu làm việc tại Công ty từ ngày 10/09/2019 cho đến ngày 10/06/2022. Công ty nhận người lao động (gọi tắt NLD) vào làm việc tại công trình siêu thị Coopmart Nha Tr, địa chỉ: 02 L, phường P, thành phố N. Vị trí công việc: Giám sát vệ sinh công nghiệp, với mức lương cơ bản là 5.775.000 đồng/tháng. Trong suốt quá trình làm việc tại Công ty, NLD luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và NLD đã nhiều lần đề nghị Công ty ký hợp đồng lao động (gọi tắt HĐLĐ) để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của NLD theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, phía Công ty vẫn hứa hẹn nhưng rồi lại không ký HĐLĐ với NLD. Ngày 10/6/2022, Công ty Cổ phần C cho NLD nghỉ việc mà không có lý do và cũng không thông báo trước. Ngày 17/6/2022, NLD gửi đơn đến Ban Giám đốc Công ty đề nghị giải quyết cho người lao động nhưng không được giải quyết. Tính đến ngày người lao động bị Công ty cho thôi việc, người lao động đã làm việc liên tục 33 tháng mà Công ty không hề ký Hợp đồng lao động với người lao động. Vậy Công ty đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật đối với người lao động.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của NLD, căn cứ theo quy định tại Điều 36, Điều 39 và Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019, nay nguyên đơn – bà Ng yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức giải quyết những vấn đề sau đây:

(1). Buộc Công ty phải nhận người lao động trở lại làm việc đúng theo quy định của pháp luật.

(2). Buộc Công ty phải trả tiền lương trong những ngày người lao động không được làm việc, cụ thể:

+ Kể từ ngày 10/6/2022 cho đến ngày 30/6/2022 là 3.341.731 đồng, bởi lẽ công ty đã chuyển khoản trả cho NLD tiền lương từ ngày 01/6/2022 cho đến ngày 09/6/2022 với số tiền 2.433.269 đồng.

+ Từ tháng 07/2022 cho đến tháng 08/2023 là 14 tháng, tương ứng 5.775.000đồng/tháng x 14 tháng = 80.850.000 đồng

(3). Buộc Công ty phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho NLD từ tháng 01/2020 cho đến khi NLD được Công ty nhận trở lại làm việc.

(4). Buộc Công ty phải trả cho NLD 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tương ứng: 5.775.000 đồng/tháng x 02 tháng = 11.550.000 đồng.

(5). Buộc Công ty phải trả cho NLD 1,5 tháng tiền lương do vi phạm quy định về thời hạn báo trước, tương ứng: 5.775.000 đồng/tháng x 1,5 tháng = 8.662.500 đồng.

Tổng cộng (2) + (4) + (5) = 104.404.231 đồng.

Đề nghị Tòa án buộc Công ty phải thanh toán đầy đủ các khoản phải trả cho người lao động một lần và thực hiện ngay khi bản án Tòa án có hiệu lực thi hành.

*Bị đơn - Công ty Cổ phần C có bà Đỗ Thị Huyền Tr đại diện trình bày:*

Công ty Cổ phần C (gọi tắt là “C”) hoạt động chính trong lĩnh vực: Vệ sinh công nghiệp, chăm sóc cây cảnh, kiểm soát côn trùng và kinh doanh hóa chất, thiết bị vệ sinh công nghiệp. C cử nhân sự tiến hành cung cấp các dịch vụ liên quan vệ sinh tại các công trình cụ thể theo sự phân công của C. Cuối năm 2019, C nhận bà Ng vào làm việc nhưng không có ký hợp đồng lao động bằng văn bản. Bà Ng là nhân viên giám sát vệ sinh công nghiệp được cử làm việc tại công trình - Siêu thị Coopmart Nha Tr với mức lương thỏa Th là 5.775.000 đồng/tháng. Trong suốt quá trình làm việc, bà Ng không có bất kì khiếu nại hay tranh chấp gì với C. Tuy nhiên, đến hết ngày 09/6/2022 bà Ng tự ý nghỉ việc mà không thông báo trước cho công ty. Ngày 10/6/2022, bà Ng có đến siêu thị Coopmart Nha Tr nhưng bỏ về, sau đó công ty liên hệ gọi bà Ng đến giải quyết nhưng không được. Mặt khác, C không có bất cứ hành vi, yêu cầu chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ng trong suốt quá trình thực hiện công việc.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng công ty có ý kiến như sau:

(1). Công ty không đồng ý nhận bà Ng trở lại làm việc. Do bà Ng tự ý nghỉ việc.

(2). Công ty không đồng ý trả tiền lương trong những ngày người lao động không được làm việc, cụ thể: Từ ngày 10/6/2022 cho đến ngày 30/6/2022 là 3.341.731 đồng và từ tháng 07/2022 cho đến tháng 08/2023 là 14 tháng, tương ứng  $5.775.000 \text{ đồng/tháng} \times 14 \text{ tháng} = 80.850.000 \text{ đồng}$

(3). Công ty đồng ý truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động từ tháng 01/2020 cho đến khi bà Ng nghỉ việc là 09/6/2022.

(4). Công ty không đồng ý trả cho người lao động 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tương ứng:  $5.775.000 \text{ đồng/tháng} \times 02 \text{ tháng} = 11.550.000 \text{ đồng}$ .

(5). Công ty không đồng ý trả cho người lao động 1,5 tháng tiền lương do vi phạm quy định về thời hạn báo trước, tương ứng:  $5.775.000 \text{ đồng/tháng} \times 1,5 \text{ tháng} = 8.662.500 \text{ đồng}$ .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu: Các trình tự, thủ tục đều tuân thủ quy định của pháp luật, nhưng cần rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ Ng buộc Công ty Care Việt Nam phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà Ng từ tháng 01/2020 cho đến hết ngày 09/6/2022 đối với mức lương 5.775.000 đồng/tháng. Các yêu cầu khác còn lại đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ Ng khởi kiện bị đơn – Công ty Cổ phần C. Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Bị đơn có trụ sở tại thành phố Thủ Đức. Căn cứ Khoản 1

Điều 32; Điểm c Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ Ng có ông Dương Văn Th đại diện theo uỷ quyền có mặt. Bị đơn – Công ty Cổ phần C có bà Đỗ Thị Huyền Tr là người đại diện theo uỷ quyền có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Hội đồng xét xử nhận định, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có cơ sở xác định Công ty Cổ phần C nhận bà Ng vào làm việc nhưng không có ký hợp đồng lao động bằng văn bản. Bà Ng làm việc bắt đầu ngày từ 10/9/2019, nhân viên giám sát vệ sinh công nghiệp, làm việc tại Siêu thị Coopmart Nha Tr với mức lương thỏa Th là 5.775.000 đồng/tháng đến ngày 09/6/2022 thì chấm dứt công việc.

Xét thấy, thời gian làm việc của bà Ng từ ngày 10/9/2019 đến 09/6/2022 là 02 năm 08 tháng 29 ngày. Hai bên chỉ thỏa Th tiền lương là 5.775.000 đồng/tháng, công việc là nhân viên giám sát vệ sinh, làm việc tại Siêu thị Coopmart Nha Tr. Ngoài ra, hai bên không thỏa Th về các chế độ nào khác, không có thỏa Th khi nào kết thúc công việc. Bà Ng thừa nhận làm việc đến hết ngày 09/6/2022 và từ ngày 10/6/2022 bà Ng không làm việc tại Siêu thị Coopmart Nha Tr. Công ty Cổ phần C cũng trả lương cho bà Ng đến hết ngày 09/6/2022. Bà Ng cho rằng Công ty Cổ phần C cho bà nghỉ việc không có báo trước là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Tuy nhiên, không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh Công ty Cổ phần C buộc bà Ng thôi việc. Mặc dù, trước đó bà làm đơn gửi Liên đoàn Lao động thành phố Thủ Đức cho rằng Công ty không ký kết hợp đồng lao động với bà, trong khi vụ việc chưa được giải quyết thì ngày 10/6/2022 bà không tiếp tục làm việc. Tại đơn xác nhận ngày 08/8/2022, Siêu thị Co.opmart Nha Tr xác nhận: *“Siêu thị Co.opmart N xác nhận Công ty C có cử chị Nguyễn Lê Diễm P đến siêu thị làm giám sát từ ngày 10/6/2022 ...”*. Công ty Cổ phần C thừa nhận có cử chị Nguyễn Lê Diễm P đến làm việc như siêu thị xác nhận, nhưng cho rằng đây là công việc giám sát nên công ty cử thêm người và giám sát cả công việc của bà Ng, bà Ng tự nghỉ việc mà không thông báo cho công ty, kể từ ngày 10/6/2022 bà Ng không đến làm việc, công ty không liên hệ được. Vậy công việc của bà Ng chấm dứt từ ngày 10/6/2022 và Công ty Cổ phần C cũng đã trả đủ tiền lương cho bà tới ngày bà nghỉ việc. Nguyên đơn – bà Ng khởi kiện nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào chứng minh Công ty Cổ phần C buộc bà Ng thôi việc hoặc có hành vi cản trở không cho bà tiếp tục làm việc nên không có căn cứ xác định Công ty Cổ phần C đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ng.

Do vậy, yêu cầu bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật như: (1). Buộc Công ty phải nhận người lao động trở lại làm việc đúng theo quy định của pháp luật; (2). Buộc Công ty phải trả tiền lương trong những ngày người lao động không được làm việc, cụ thể: Từ ngày 10/6/2022 cho đến ngày 30/6/2022 là 3.341.731 đồng và từ tháng 07/2022 cho đến tháng 08/2023 là 14 tháng, tương ứng 5.775.000đồng/tháng x14 tháng = 80.850.000 đồng; (4). Buộc Công ty phải trả cho NLĐ 02 tháng tiền lương do

đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tương ứng: 5.775.000 đồng/tháng x 02 tháng = 11.550.000 đồng; (5). Buộc Công ty phải trả cho NLĐ 1,5 tháng tiền lương do vi phạm quy định về thời hạn báo trước, tương ứng: 5.775.000 đồng/tháng x 1,5 tháng = 8.662.500 đồng. Tổng cộng (2) + (4) + (5) = 104.404.231 đồng. Các yêu cầu này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu (3). Buộc Công ty phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ từ tháng 01/2020 cho đến khi NLĐ được Công ty nhận trở lại làm việc. Bị đơn thừa nhận là chưa đóng khoản bảo hiểm nào cho bà Ng nên buộc công ty phải truy đóng là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận buộc Công ty Cổ phần C phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ từ tháng 01/2020 cho đến hết ngày 09/6/2022 đối với mức lương 5.775.000 đồng/tháng được hai bên thừa nhận. Không chấp nhận phần buộc Công ty Cổ phần C phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà Ng đến ngày công ty nhận trở lại làm việc.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ Ng buộc Công ty Cổ phần C phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà Ng từ tháng 01/2020 cho đến hết ngày 09/6/2022 đối với mức lương 5.775.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu khác của bà Ng.

[4] Về án phí:

- Xét nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Mỹ Ng khởi kiện thuộc trường hợp được miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà Ng.

- Công ty Cổ phần C phải chịu tiền án phí theo quy định.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phân tích và đề nghị là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32; Điểm c Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 48 Điều 168 Bộ luật lao động năm 2019;

- Điều 21; Điều 85 và Điều 86 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ Ng buộc Công ty Cổ phần C phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà Ng từ tháng 01/2020 cho đến hết ngày 09/6/2022 đối với mức lương 5.775.000 đồng/tháng.

2. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện sau:

- Không chấp nhận phần yêu cầu buộc Công ty Cổ phần C phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà Ng đến ngày Công ty nhận trở lại làm việc.

- Không chấp nhận yêu cầu (1): Buộc Công ty Cổ phần C phải nhận bà Ng trở lại làm việc đúng theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu (2): Buộc Công ty Cổ phần C phải trả tiền lương trong những ngày bà Ng không được làm việc, cụ thể: Từ ngày 10/6/2022 cho đến ngày 30/6/2022 là 3.341.731 đồng và từ tháng 07/2022 cho đến tháng 08/2023 là 14 tháng, tương ứng  $5.775.000 \text{ đồng/tháng} \times 14 \text{ tháng} = 80.850.000 \text{ đồng}$

- Không chấp nhận yêu cầu (4): Buộc Công ty Cổ phần C phải trả cho bà Ng 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tương ứng:  $5.775.000 \text{ đồng/tháng} \times 02 \text{ tháng} = 11.550.000 \text{ đồng}$ .

- Không chấp nhận yêu cầu (5): Buộc Công ty Cổ phần C phải trả cho bà Ng 1,5 tháng tiền lương do vi phạm quy định về thời hạn báo trước, tương ứng:  $5.775.000 \text{ đồng/tháng} \times 1,5 \text{ tháng} = 8.662.500 \text{ đồng}$ .

3. Về án phí: Miễn án phí cho nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Mỹ Ng. Bị đơn - Công ty Cổ phần C phải chịu án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. T;
- CCTHADS Tp. T;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**